

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST

Ngày 19-4-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
thuê lại quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Cư
2. Ông Huỳnh Công Tạo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 46/2017/TLST-DS ngày 16/10/2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 08-3-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-KDTM ngày 30-3-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng dầu khí I

Địa chỉ: Số B đường N phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê Thanh T - chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Lâm Phương T (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường N phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
; (Văn bản số 138/GUQ ngày 15/ 9/2017)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp X, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật Ông Dasagi V - chức vụ: Tổng giám đốc Công ty. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/3/2008, Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng dầu khí I (gọi tắt là Công ty I) và Công ty cổ phần thép Q (gọi tắt là Công ty Q) ký hợp đồng cho thuê lại đất số 06/2008/HĐTD với diện tích 79.965 m² tại Khu công nghiệp X, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để xây dựng nhà máy gia công cấu kiện thép. Sau đó ngày 16/4/2011, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/06/PLHĐ điều chỉnh diện tích đất thuê từ 79.965 m² lên 80.929,4 m²

Thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng cơ bản như sau:

Công ty I cho Công ty Q thuê đất với diện tích là 80.929,4 m², thời hạn thuê đất từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 29/7/2048, đơn giá thuê 29USD/m² (chưa bao gồm thuế GTGT), phí sử dụng dịch vụ khác: 0,3 USD/ m²/năm (chưa bao gồm thuế GTGT), tổng giá trị thuê đất phải trả là 2.581.647,86 USD, phí sử dụng dịch vụ hàng năm 26.706, 70 USD (chưa bao gồm thuế GTGT), phương thức thanh toán: Tiền thuê đất được trả làm 2 đợt và đã trả hết trong vòng 15 ngày đầu của tháng thứ 13 kể từ ngày ký hợp đồng. Phí sử dụng dịch vụ hạ tầng được thanh toán trong tháng 1 hàng năm. Bên Công ty Q bắt đầu trả tiền phí dịch vụ khác kể từ ngày 01/01/2009. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam hoặc Dollar Mỹ tùy theo sự lựa chọn của Công ty Q nếu sự lựa chọn này không trái ngược với pháp luật Việt Nam. Nếu thanh toán bằng đồng Việt Nam thì tỷ giá giữa Dollar Mỹ và tiền Việt Nam sẽ được tính theo giá bán của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán. Bên Công ty Q phải thanh toán đúng hạn, nếu chậm thanh toán quá 15 ngày, bên B phải chịu lãi suất theo lãi suất vay quá hạn của Ngân hàng TMCP ngoại thương tại thời điểm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán nhưng cũng không được chậm quá 30 ngày kể từ ngày phải thanh toán. Ngoài ra hợp đồng có nội dung bên Công ty I còn cung cấp nước sạch và tiếp nhận nước thải của Công ty Q đã qua xử lý sơ bộ để đưa vào hệ thống nước thải chung của toàn khu công nghiệp.

Để cụ thể nội dung xử lý nước thải và cung cấp nước sạch tại hợp đồng thuê lại đất nêu trên, Công ty I và Công ty Q có ký thêm Hợp đồng kinh tế số 25/HĐ/XLNT/ 2014 ngày 28/10/2014 về việc xử lý nước thải; Hợp đồng số 10/2013/HĐ ngày 26/3/2013 và phụ lục hợp đồng về việc cung cấp nước sạch.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã thanh toán toàn bộ số tiền thuê đất với tổng số tiền 2.581.647,86 USD và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 707439 ngày 21/6/2011.

Đối với phí sử dụng hạ tầng hàng năm Công ty Q đã hoàn thành việc thanh toán phí dịch vụ năm 2009 đến năm 2014.

Công ty Q chưa thanh toán các khoản:

-Lãi chậm thanh toán (tính từ ngày 01/02/2014 đến 28/8/2014 là 1.261,62 USD và từ ngày 29/8/2014 đến 30/12/2015 là 1.907,64 USD. Tổng là 3.169,26 USD.

- Phí sử dụng dịch vụ hạ tầng các năm 2015, 2016, 2017 là 80.120,10 USD. Trong đó năm 2015 là 26.706,70 USD, năm 2016 là 26.706,70 USD, năm 2017 là 26.706,70 USD.

- Tiền cung cấp nước sạch từ 31/7/2016 đến 31/10/2016 là 19.377.500 đồng và tiền phí xử lý nước thải từ ngày 30/6/2016 đến 31/10/2016 là 12.495.804 đồng. Tổng 31.873.304 đồng.

Mặc dù Công ty I đã có nhiều văn bản yêu cầu Công ty Q thanh toán các khoản tiền trên nhưng Công ty Q vẫn không thực hiện. Tại biên bản làm việc ngày 10/12/2014, đại diện Công ty Q có xác nhận sẽ thanh toán phí hạ tầng và tiền lãi chậm thanh toán năm 2014 dứt điểm trong tháng 3/2015. Đối với phí hạ tầng và tiền lãi chậm thanh toán năm 2015 sẽ thanh toán dứt điểm trước ngày 30/6/2015.

Sau đó, Công ty Q vẫn không thực hiện đúng nội dung đã cam kết và gửi văn bản cho Công ty I nhằm xin gia hạn thời gian thanh toán.

Ngày 14/3/2016, Công ty I đã có văn bản số 79/CT-TCK, xác định sau ngày 31/3/2016, nếu Công ty Q không thanh toán số tiền phí dịch vụ hạ tầng thì Công ty I sẽ ngừng cung cấp toàn bộ dịch vụ hạ tầng và áp dụng tính lãi công nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Do Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty I khởi kiện, yêu cầu Công ty Q phải thanh toán gồm:

- Tiền lãi chậm thanh toán của phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2014 là 3.169,26 USD;

- Phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2015 là 26.706,70 USD và lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2015 đến ngày xét xử là 7.086,79 USD.

- Phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2016 là 26.706,70 USD và lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2016 đến ngày xét xử là 4.883,48 USD;

- Phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2017 là 26.706,70 USD và lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2017 đến ngày xét xử là 2.674,15 USD.

Mức lãi suất áp dụng là 8,25%/năm;

(Số tiền phí sử dụng dịch vụ hạ tầng và tiền lãi chậm thanh toán còn nợ là 97.933,78 USD)

- Tiền cung cấp nước sạch và phí xử lý nước thải còn nợ là 31.873.304 đồng. Đối với tiền cung cấp và phí xử lý nước thải bên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty Quatron, yêu cầu Công ty Q trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty I, tuy nhiên đại diện hợp pháp của Công ty Q không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 sửa đổi lần 3 ngày 08-7-2014 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty cổ phần thép Q có trụ sở tại Khu công nghiệp X, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Dasagi V, hiện nay Công ty Q chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Q phải thanh toán tiền nợ theo hợp đồng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng dầu khí IDICO.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của Công ty I, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất”

Do Công ty cổ phần thép Q có trụ sở tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án:*

Quá trình tố tụng, bà Lâm Phương T được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, không bị rút hay thay đổi nên được tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án.

[4] *Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:*

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Xét hợp đồng cho thuê lại đất số 06/2008/HĐTĐ ngày 24/3/2008, phụ lục hợp đồng số 01/06/PLHĐ ngày 16/4/2011 và phụ lục hợp đồng; Hợp đồng kinh tế số 25/HĐ/XLNT/ 2014 ngày 28/10/2014; Hợp đồng số 10/2013/HĐ ngày 26/3/2013 và phụ lục hợp đồng được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của pháp nhân. Nội dung thỏa thuận của hợp đồng không bị pháp luật cấm. Các bên giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

Do đó các hợp đồng giữa Công ty I và Công ty Q được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Qua các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy giao kết giữa Công ty I và Công ty Q là đúng sự thật. Thể hiện Công ty I đã hoàn thành nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất và Công ty Q đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty I đã tiếp nhận và xử lý nước thải từ nhà máy của Công ty Q, cung cấp nước sạch cũng như xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Q đúng như nội dung hợp đồng, phụ lục đã ký kết. Do vậy Công ty I đã hoàn thành nghĩa vụ của bên cho thuê lại quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 79 Luật thương mại nên phía Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại Điều 50, Điều 85, Điều 183 Luật thương mại.

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty Q còn nợ Công ty I số tiền phí sử dụng dịch vụ hạ tầng và tiền lãi chậm thanh toán là 97.933,78 USD, tiền phí xử lý nước thải và tiền cung cấp nước sạch là 31.873.304 đồng.

Về lỗi khi thực hiện hợp đồng thấy:

Khi thực hiện các hợp đồng Công ty I đã thực hiện đúng các thỏa thuận đã ký, không vi phạm cam kết giữa các bên. Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 6 của hợp đồng thuê lại đất nên lỗi thuộc về Công ty Q.

Về lãi suất: Công ty I yêu cầu tính lãi chậm thanh đối với phí sử dụng hạ tầng năm 2014 từ ngày 01/02/2014 đến ngày 28/8/2017 và từ ngày 29/8/2014 đến ngày 30/12/2015 và lãi phạt chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử đối với phí sử dụng hạ tầng năm 2015, 2016, mức lãi phạt được áp dụng 8,25%/năm.

Lỗi dẫn đến vi phạm hợp đồng là do Công ty Q, nên Công ty Q phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Công ty Q phải thanh toán cho Công ty I số tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức lãi suất: Do quan hệ tranh chấp giữa các bên là quan hệ về kinh doanh thương mại nên các sự kiện pháp lý phát sinh từ giao dịch này, cụ thể là tranh chấp về lãi suất thuộc đối tượng điều chỉnh của luật thương mại. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Theo mục 6.2 Điều 6 của hợp đồng thuê lại đất các bên thỏa thuận áp dụng lãi suất vay quá hạn của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam để tính lãi trong trường hợp Công ty Q chậm thanh toán. Đối chiếu với mức lãi suất

Công ty I yêu cầu Công ty Q thanh toán 8,25%/năm. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu về lãi suất của Công ty I, cụ thể như sau:

Tiền lãi chậm thanh toán của phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2014

Ngày 01/02/2014 đến ngày 28/8/2014 thanh toán 26.706,70 USD phạt chậm thanh toán là $26.706,70 \times 8,25\%/\text{năm} \times 209 \text{ ngày} = 1.261,62 \text{ USD}$

Ngày 29/8/2014 đến ngày 30/12/2014 thanh toán 17.259,40 USD, phạt chậm thanh toán là $17.259,40 \text{ USD} \times 8,25\%/\text{năm} \times 489 \text{ ngày} = 1.907,64 \text{ USD}$

Tiền lãi chậm thanh toán của phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2015:

Ngày 01/02/2015 đến ngày 19/4/2018 thanh toán 26.706,70 USD, phạt chậm thanh toán là $26.706,70 \text{ USD} \times 8,25\%/\text{năm} \times 1.174 \text{ ngày} = 7.086,79 \text{ USD}$

Tiền lãi chậm thanh toán của phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2016:

Ngày 01/02/2016 đến ngày 19/4/2018 thanh toán 26.706,70 USD, phạt chậm thanh toán là $26.706,70 \text{ USD} \times 8,25\%/\text{năm} \times 809 \text{ ngày} = 4.883,48 \text{ USD}$

Tiền lãi chậm thanh toán của phí sử dụng dịch vụ hạ tầng năm 2017:

Ngày 01/02/2017 đến ngày 19/4/2018 thanh toán 26.706,70 USD, phạt chậm thanh toán là $26.706,70 \text{ USD} \times 8,25\%/\text{năm} \times 443 \text{ ngày} = 2.674,15 \text{ USD}$.

Tổng cộng số tiền lãi suất mà Công ty Q phải thanh toán là: 17.813,68 USD

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc phía Công ty Q phải thanh toán cho Công ty I số tiền là 97.933,78 USD (trong đó còn tiền nợ gốc của phí sử dụng dịch vụ hạ tầng là 80.120,10 USD và lãi do chậm thanh toán là 17.813,68 USD) và tiền phí xử lý nước thải và tiền cung cấp nước sạch là 31.873.304 đồng. Theo thông báo của Ngân hàng TMCP N công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, áp dụng cho ngày 19/4/2018, 01 đồng dollar Mỹ quy đổi bằng 22.745 đồng Việt Nam. Nên số tiền phí sử dụng dịch vụ hạ tầng và lãi chậm thanh toán Công ty Q phải thanh toán là $97.933,78 \text{ USD} \times 22.745 = 2.227.503.826 \text{ đồng}$

Tổng số tiền mà Công ty Q phải thanh toán cho Công ty I là 2.259.377.130 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm ba mươi đồng)

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty I.

Công ty cổ phần Q n phải nộp: $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times 259.377.130 \text{ đồng} = 77.187.500 \text{ đồng}$ (bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 351 và 353, 475 Bộ luật dân sự 2015; Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 79, Điều 85 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng dầu khí I đối với Công ty cổ phần thép Q về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất”.

1. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng dầu khí I số tiền 2.259.377.130 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty cổ phần thép Q phải nộp số tiền 77.187.500 đồng (bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng dầu khí I là 37.569.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008078 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Xuân Thường